

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024
của Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang

CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1006/QĐ-TCTK ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông báo số 78/TB-TCTK ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Tổng cục Thống kê về xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 của Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê các huyện, thành, thị và các Phòng có liên quan trực thuộc Cục Thống kê tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục Thống kê (để báo cáo);
- Lưu: VT, KT.



CỤC TRƯỞNG

Trần Thị Mỹ Hạnh

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang
Chương: 013



QUYẾT TOÁN THU - CHINH GAN SACH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 15/QĐ-CTK ngày 24/02/2023 của Cục trưởng Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang)
Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
					Chi cục Thống kê TP Mỹ Tho	Chi cục Thống kê Thành phố Gò Công	Chi cục Thống kê Tân Phước
I	2	3	4	5 = 4-3	6	7	8
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
I	Số thu phí, lệ phí						
1	Lệ phí						
2	Phí						
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại						
I	Chi sự nghiệp						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
2	Chi quản lý hành chính						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước						
1	Lệ phí						
2	Phí						
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước						
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	25.856.590.058	25.856.590.058		2.056.567.253	1.348.553.088	1.436.067.463

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang
Chương: 013

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch 5 = 4-3	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
					Chi cục Thống kê TP Mỹ Tho 6	Chi cục Thống kê Thành phố Gò Công 7	Chi cục Thống kê Tân Phước 8
1	2	3	4	5 = 4-3	6	7	8
1	Nguồn ngân sách trong nước	25.856.590.058	25.856.590.058		2.056.567.253	1.346.553.088	1.436.067.463
1	Chi quản lý hành chính	25.856.590.058	25.856.590.058		2.056.567.253	1.346.553.088	1.436.067.463
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	16.120.125.072	16.120.125.072		902.747.440	783.504.737	968.720.915
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	9.736.464.986	9.736.464.986		1.153.819.813	565.048.351	477.346.548
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở						
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	29.000.000	29.000.000				
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	29.000.000	29.000.000				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
5	Chi bảo đảm xã hội						
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	Chi hoạt động kinh tế						
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
					Chi cục Thống kê TP Mỹ Tho	Chi cục Thống kê Thành phố Gò Công	Chi cục Thống kê Tân Phước
1	2	3	4	5 = 4-3	6	7	8
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
II	Nguồn vốn viện trợ						
1	Chi quản lý hành chính						
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
5	Chi bảo đảm xã hội						
6	Chi hoạt động kinh tế						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang
Chương: 013

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
					Chi cục Thống kê TP Mỹ Tho	Chi cục Thống kê Thành phố Gò Công	Chi cục Thống kê Tân Phước
1	2	3	4	5 = 4-3	6	7	8
III	Nguồn vay nợ nước ngoài						
1	Chi quản lý hành chính						
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
5	Chi bảo đảm xã hội						
6	Chi hoạt động kinh tế						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)				Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			
		Chi cục Thống kê huyện Cai Bè	Chi cục Thống kê huyện Cai Lậy	Chi cục Thống kê huyện Chợ Gạo	Chi cục Thống kê huyện Gò Công Tây	Chi Cục Thống kê Gò Công Đông	Chi cục Thống kê huyện Tân Phú Đông		
1	2	9	10	11	12	13	14		
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí								
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí								
I	Số thu phí, lệ phí								
1	Lệ phí								
2	Phí								
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại								
1	Chi sự nghiệp								
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
2	Chi quản lý hành chính								
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước								
1	Lệ phí								
2	Phí								
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước								
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	1.880.616.058	1.499.077.776	1.705.877.958	1.165.082.534	1.314.299.591	879.918.954		
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.880.616.058	1.499.077.776	1.705.877.958	1.165.082.534	1.314.299.591	879.918.954		
1	Chi quản lý hành chính	1.880.616.058	1.499.077.776	1.705.877.958	1.165.082.534	1.314.299.591	879.918.954		
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	859.744.113	826.974.510	812.491.760	636.438.245	656.687.280	605.547.390		
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.020.871.945	672.103.266	893.386.198	528.644.289	657.612.311	274.371.564		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ								
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ								

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang
Chương: 013

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)				Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			
		Chi cục Thống kê huyện Cai Bè	Chi cục Thống kê huyện Cai Lậy	Chi cục Thống kê huyện Chợ Gạo	Chi cục Thống kê huyện Gò Công Tây	Chi Cục Thống kê Gò Công Đông	Chi cục Thống kê huyện Tân Phú Đông		
1	2	9	10	11	12	13	14		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia								
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ								
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở								
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng								
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề								
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình								
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
5	Chi bảo đảm xã hội								
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
6	Chi hoạt động kinh tế								
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường								
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin								
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)				Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			
		Chi cục Thống kê huyện Cái Bè	Chi cục Thống kê huyện Cai Lậy	Chi cục Thống kê huyện Chợ Gạo	Chi cục Thống kê huyện Gò Công Tây	Chi Cục Thống kê Gò Công Đông	Chi cục Thống kê huyện Tân Phú Đông		
1	2	9	10	11	12	13	14		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn								
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao								
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
II	Nguồn vốn viện trợ								
1	Chi quản lý hành chính								
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ								
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề								
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình								
5	Chi bảo đảm xã hội								
6	Chi hoạt động kinh tế								
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường								
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin								
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn								
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao								
III	Nguồn vay nợ nước ngoài								
1	Chi quản lý hành chính								
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ								
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề								
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình								
5	Chi bảo đảm xã hội								

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang
Chương: 013

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
		Chi cục Thống kê huyện Cai Bè	Chi cục Thống kê huyện Cai Lậy	Chi cục Thống kê huyện Chợ Gạo	Chi cục Thống kê huyện Gò Công Tây	Chi Cục Thống kê Gò Công Đông	Chi cục Thống kê huyện Tân Phú Đông
1	2	9	10	11	12	13	14
6	Chi hoạt động kinh tế						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
		Văn phòng cục Thống kê	Chi cục Thống kê Thị Xã Cai Lậy	Chi cục Thống kê huyện Châu Thành			
1	2	15	16	17			
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
I	Số thu phí, lệ phí						
1	Lệ phí						
2	Phí						
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại						
1	Chi sự nghiệp						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
2	Chi quản lý hành chính						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước						
1	Lệ phí						
2	Phí						
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	9.491.249.396	1.174.570.549	1.933.709.438			
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.491.249.396	1.174.570.549	1.933.709.438			
1	Chi quản lý hành chính	9.462.249.396	1.174.570.549	1.933.709.438			
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.427.124.932	678.789.860	971.353.890			
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.035.124.464	495.780.689	962.355.548			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ						

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang
Chương: 013

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
		Văn phòng cục Thống kê	Chi cục Thống kê Thị Xã Cai Lậy	Chi cục Thống kê huyện Châu Thành			
1	2	15	16	17			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>						
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	29.000.000					
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	29.000.000					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
5	Chi bảo đảm xã hội						
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	Chi hoạt động kinh tế						
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
		Văn phòng cục Thống kê	Chi cục Thống kê Thị Xã Cai Lậy	Chi cục Thống kê huyện Châu Thành			
1	2	15	16	17			
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
II	Nguồn vốn viện trợ						
1	Chi quản lý hành chính						
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
5	Chi bảo đảm xã hội						
6	Chi hoạt động kinh tế						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
III	Nguồn vay nợ nước ngoài						
1	Chi quản lý hành chính						
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
5	Chi bảo đảm xã hội						
6	Chi hoạt động kinh tế						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang
Chương: 013

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
		Văn phòng cục Thống kê	Chi cục Thống kê Thị Xã Cai Lậy	Chi cục Thống kê huyện Châu Thành			
1	2	15	16	17			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH
NĂM 2024

Thực hiện nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Cục Thống kê Tiền Giang báo cáo tình hình thực hiện công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 như sau:

I. Tình hình công khai ngân sách tại các đơn vị thuộc, trực thuộc:

- Số đơn vị chưa công khai ngân sách: Không có
- Số đơn vị thực hiện công khai ngân sách: 12 đơn vị

STT	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
I	Đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc						
1	Văn phòng Cục Thống kê	✓		✓		✓	

STT	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
2	Chi Cục Thống kê TP. Mỹ Tho	✓		✓		✓	
3	Chi Cục Thống kê Thành Phố Gò Công	✓		✓		✓	
4	Chi Cục Thống kê TX. Cai Lậy	✓		✓		✓	
5	Chi Cục Thống kê Huyện Tân Phước	✓		✓		✓	
6	Chi Cục Thống kê Huyện Cái Bè	✓		✓		✓	
7	Chi Cục Thống kê Huyện Cai Lậy	✓		✓		✓	
8	Chi Cục Thống kê Huyện Châu Thành	✓		✓		✓	
	Chi Cục						



STT	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
9	Thống kê Huyện Chợ Gạo	✓		✓		✓	
10	Chi Cục Thống kê Huyện Gò Công Tây	✓		✓		✓	
11	Chi Cục Thống kê Huyện Gò Công Đông	✓		✓		✓	
12	Chi Cục Thống kê Huyện Tân Phú Đông	✓		✓		✓	

II. Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định: Không có

Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang kính gửi Tổng cục Thống kê (Vụ kế hoạch Tài chính) để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Vụ KHTC
- Lưu VT, KHTC.

CỤC TRƯỞNG



Trần Thị Mỹ Hạnh